



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3914 4290 – Fax: (84-8) 3914 2295

Website: www.ors.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2014

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 03 năm 2015

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Thông điệp của Hội đồng Quản trị	2
Tổng quan	3
Tình hình hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	11
Báo cáo của Ban Kiểm soát	13
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	17
Thông tin cổ đông	22
Báo cáo tài chính đã kiểm toán 2014	23

1/1
x
v.v.k

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin gửi đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các cơ quan hữu quan, và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) lời cảm ơn chân thành nhất vì đã hỗ trợ và hợp tác cùng ORS nhiều năm qua.

Năm 2014, nền kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam đều có dấu hiệu khởi sắc. Tăng trưởng GDP đạt 5,98%, vượt 0,18% so với kế hoạch; chỉ số giá tiêu dùng duy trì ở mức thấp 4,09%; vốn FDI đăng ký và giải ngân tiếp tục ở mức cao đạt lần lượt 20,23 tỷ USD và 12,35 tỷ USD; kiều hối ước đạt 12-13 tỷ USD, mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây; cán cân thương mại thặng dư khoảng 2 tỷ USD... Thị trường tiền tệ ổn định, mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay giảm thấp; tỷ giá ít biến động, được điều tiết trong giới hạn biên độ 1%.

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã diễn biến rất khả quan về tốc độ tăng chỉ số, mức độ ổn định, và khối lượng giao dịch... Tính chung cả năm, chỉ số VN-Index tăng 8,13%, chỉ số HNX-Index tăng 22,32% so với cuối năm 2013. Tổng khối lượng giao dịch trong năm 2014 gấp 1,23 lần, giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên cao gấp 2,2 lần so với năm 2013.

Thị trường tích cực đã giúp các công ty chứng khoán dần hồi phục. Riêng bộ máy ORS được tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả cùng với chính sách đầu tư minh bạch đã mang lại kết quả khả quan. Trong 2014, tận dụng cơ hội thị trường thuận lợi, ORS đã tiến hành thanh toán các khoản đầu tư dài hạn kém hiệu quả nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư và tăng thêm vốn lưu động. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng kết quả đạt được cho thấy nỗ lực của tập thể ORS và minh chứng cho chính sách hoạt động đúng hướng của Công ty.

Sang năm 2015, Công ty nhận định nền kinh tế đã vượt qua giai đoạn khó khăn và đang có những chuyển biến tích cực tuy vẫn còn nhiều thách thức. Nguy cơ giảm phát đang là câu hỏi lớn cho doanh nghiệp và cơ quan điều hành khi sức tiêu dùng yếu, tăng trưởng tín dụng thấp, doanh nghiệp vẫn đầu tư thận trọng v.v. Trong bối cảnh đó, nhận thức được thách thức cũng như cơ hội, ORS tin tưởng thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục là kênh đầu tư hấp dẫn, thu hút nguồn vốn nhân rồi trong nền kinh tế. Hội đồng Quản trị định hướng mục tiêu ORS trong năm 2015 phát triển theo chiều sâu, hướng đến định vị ba giá trị với khách hàng: **Tin cậy với khách hàng, Hiện đại trong phục vụ và Nhanh nhạy nắm bắt cơ hội kinh doanh** song song với định hướng đầu tư thận trọng, kiểm soát tốt rủi ro nhằm bảo đảm an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

Chúng tôi mong muốn tiếp tục được Quý Cổ đông, Quý khách hàng, các cơ quan hữu quan, Ban Tổng Giám Đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên ORS quan tâm, hỗ trợ và tin tưởng. Chúng tôi hy vọng thị trường chứng khoán sẽ có những chuyển biến tốt hơn để đáp ứng kỳ vọng của Quý Cổ đông.

Trân trọng cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.



PHAN VŨ TUẤN

I. TỔNG QUAN

1. Thông tin chung

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**
- Tên tiếng Anh: **ORIENT SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **ORS**
- Logo của Công ty:



- Trụ sở chính: 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3914 4290 Fax: (84-8) 3914 2295
- Website: www.ors.com.vn Email: ors@ors.com.vn
- Cơ sở pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - o Giấy CNĐKKD số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 28/12/2006.
 - o Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 49//UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/12 /2006.
 - o Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số 53/GCNTVLK do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cấp ngày 08/02/2007.
 - o Quyết định số 48/QĐ-TTGDHCM ngày 14/05/2007 của Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc công nhận thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
 - o Quyết định số 194/QĐ-TTGDHN ngày 15/08/2007 của Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc công nhận thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội .
- Vốn điều lệ: **240.000.000.000 đồng** (Hai trăm bốn mươi tỷ đồng)
- Mã số thuế: 0304814339
- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:
 - o Môi giới chứng khoán.
 - o Tự doanh chứng khoán.
 - o Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.
 - o Lưu ký chứng khoán.

2. Quá trình phát triển

2006-2014

		2006
12/2006	Nhận Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103005822 ngày 28/12/2006 do Sở KH&ĐT cấp. Nhận Giấy phép hoạt động kinh doanh số 49/2UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do UBCKNN cấp	
		2007
02/2007	Trở thành Thành viên Trung tâm Lưu ký chứng khoán	
05/2007	Trở thành Thành viên Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM và Hà Nội	
09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ lên 120 tỷ đồng và thành lập Đại lý nhận lệnh Hà Nội	
12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng	
		2008
01/2008	Thành lập Chi nhánh Cần Thơ và Đại lý nhận lệnh TP. Biên Hòa	
02/2008	Thành lập Phòng Giao dịch Tân Bình và đưa vào hoạt động dịch vụ giao dịch trực tuyến	
		2009
09/2009	Nâng cấp Phòng Giao dịch Tân Bình thành Chi nhánh Tân Bình	
		2010
01/2010	Thành lập Chi nhánh Đồng Biên tại TP. Biên Hòa	
04/2010	Thành lập Chi nhánh Hà Nội	
06/2010	Thành lập Phòng Giao dịch Thành Công	
07/2010	Niêm yết cổ phiếu ORS tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội	
08/2010	Thành lập Chi nhánh Gia Định	
10/2010	Đổi tên Phòng Giao dịch Thành Công thành Phòng Giao dịch Bến Thành	
12/2010	Đổi tên Chi nhánh Đồng Biên thành Chi nhánh Đồng Nai	
		2011
07/2011	Chuyển Chi nhánh Gia Định về Hội sở	
10/2011	Chuyển Chi nhánh Cần Thơ về Hội sở	
		2012
04/2012	Chuyển Chi nhánh Đồng Nai về Hội sở	
08/2012	Chuyển Phòng Giao dịch Bến Thành về Hội sở	
		2013
01/2013	Chuyển Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Tân Bình về Hội sở	
	Thực hiện tái cơ cấu Công ty theo hướng tinh gọn mạng lưới, cắt giảm chi phí hoạt động để ổn định bộ máy, vượt qua khó khăn, tiếp tục tăng trưởng và phát triển bền vững.	

3. Ngành nghề kinh doanh

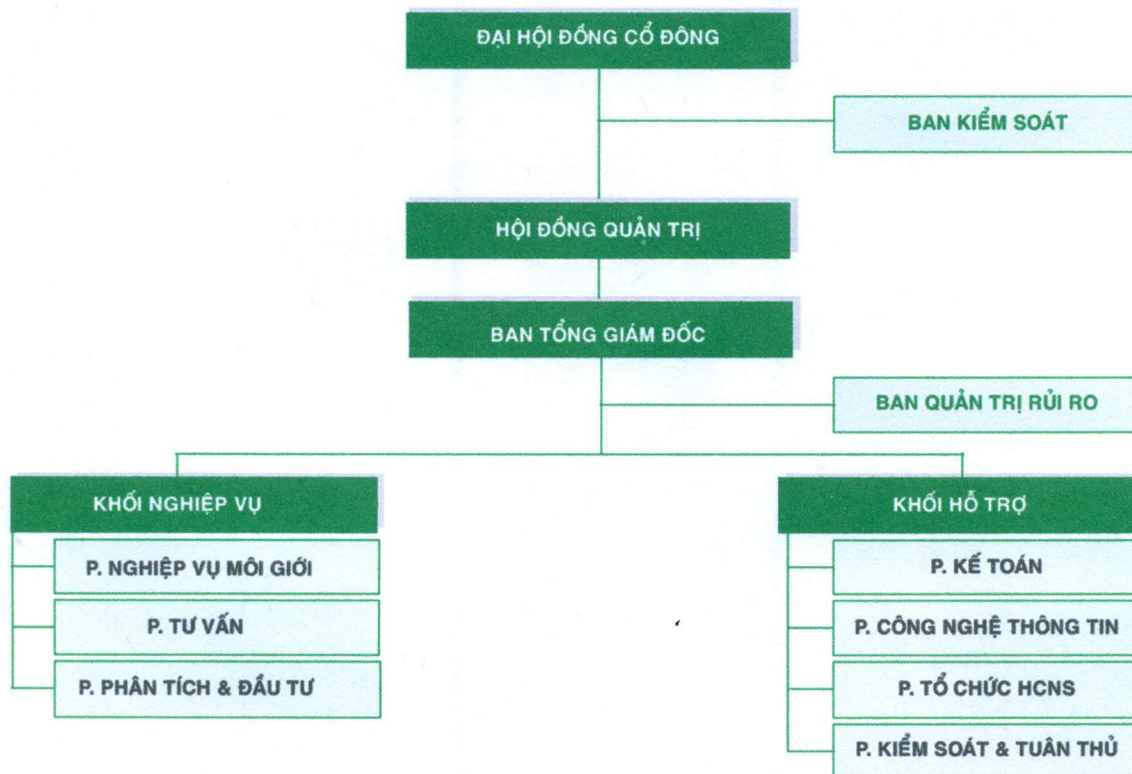
ORS được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép hoạt động trên các nghiệp vụ:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư;
- Lưu ký chứng khoán.

Hoạt động môi giới, hoạt động tự doanh và hoạt động kinh doanh nguồn vốn là ba mảng hoạt động mang lại thu nhập chủ yếu, hơn 90%, cho ORS.

Khách hàng của ORS rất đa dạng, bao gồm các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp hoạt động trên nhiều lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, tài chính - ngân hàng.

4. Cơ cấu tổ chức



Hình 1: Sơ đồ tổ chức Công ty CP Chứng khoán Phương Đông

5. Định hướng phát triển

Tầm nhìn

Trở thành định chế tài chính uy tín, gắn bó chặt chẽ với quyền lợi của khách hàng.

Sứ mệnh

Thực hiện các dịch vụ tài chính và chứng khoán, trực tiếp tham gia đầu tư chứng khoán hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích cho các cổ đông, khách hàng, người lao động và phục vụ cho sự phát triển chung của thị trường chứng khoán.

Giá trị cốt lõi

Tại ORS, chúng tôi luôn luôn giữ vững 5 giá trị cốt lõi để ứng biến trước mọi biến động của thị trường:

Trân trọng khách hàng

Sự hài lòng của khách hàng là thành công của ORS. Công ty nỗ lực mang lại giá trị vượt hơn mong đợi của khách hàng.

Giữ chữ tín

Uy tín là nền tảng tích lũy giá trị bền vững, dẫn đến thành công.

Cải tiến bản thân

Tập thể ORS không ngừng thử lửa, đúc kết kinh nghiệm và học hỏi.

Tư duy cộng tác

1 cộng 1 có thể lớn hơn 2 gấp nhiều lần! Nhân viên ORS luôn luôn sát cánh cùng đồng nghiệp, đối tác để chinh phục những đỉnh cao giá trị.

Tôn vinh hiệu quả

Chú trọng phát triển nhân lực chuyên nghiệp, trách nhiệm và chủ động - mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, công ty và cổ đông.

Mục tiêu chủ yếu

Là Công ty:

- trong 20 công ty chứng khoán có thị phần môi giới bán lẻ lớn nhất tại Việt Nam.
- có chất lượng tư vấn đầu tư tốt nhất tại Việt Nam.
- có sản phẩm phân tích có chất lượng cao và có uy tín trên thị trường.
- luôn đi tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm mới.

Một số biện pháp để thực hiện mục tiêu

Tái cơ cấu nguồn nhân lực

- Rà soát, đánh giá lại tình hình nhân sự trên phạm vi toàn Công ty dựa trên hiệu quả công việc, năng lực làm việc của nguồn nhân lực, đưa ra kế hoạch sắp xếp lại và tuyển dụng mới nhân sự phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.
- Xây dựng các chương trình tuyển dụng, đào tạo nhân sự căn bám sát định hướng phát triển dịch vụ môi giới chứng khoán của ORS. Tập trung phát triển các kỹ năng cần thiết như: chăm sóc khách hàng, thuyết phục khách hàng, tư vấn đầu tư, phân tích.
- Xây dựng các chính sách lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ hợp lý nhằm duy trì và phát triển nguồn nhân lực.

Giải pháp cơ sở hạ tầng và mạng lưới hoạt động

- Đầu tư trang thiết bị hợp lý, đảm bảo điều kiện làm việc thuận tiện cho cán bộ nhân viên, đảm bảo tiện nghi cho khách hàng khi tham gia giao dịch.
- Phát triển hệ thống thông tin, tin học hóa tối đa các công việc nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí đồng thời hạn chế các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh.

Giải pháp về tài chính

Khai thác triệt để các lợi thế sẵn có từ các cổ đông sáng lập, các cổ đông lớn; thiết lập và phát triển tốt mối quan hệ với các ngân hàng, các tổ chức tài chính nhằm đảm bảo khả năng huy động vốn đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng.

Giải pháp về đầu tư

Mảng đầu tư của Công ty được xem xét là một công cụ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của ORS, vừa đảm bảo sinh lời, đồng thời hỗ trợ thúc đẩy sự phát triển của hoạt động Tư vấn Tài chính doanh nghiệp, hoạt động Môi giới cùng phát triển. Điều này chỉ có thể thực hiện tốt khi thiết lập được quy trình phối hợp chặt chẽ giữa các mảng này, đồng thời phải có những nhân sự đủ tâm, đủ tầm để cùng thực hiện.

Giải pháp về phát triển sản phẩm

Thành lập Phòng Phát triển sản phẩm chuyên trách, được thiết lập dựa trên một số nhân sự nòng cốt có trình độ chuyên môn về nghiên cứu, phân tích xu hướng của thị trường, kinh nghiệm thực tiễn được chia thành 2 bộ phận:

- Bộ phận nghiên cứu thị trường: Là bộ phận thường xuyên tiếp xúc với khách hàng, các nhà đầu tư, các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp nhằm tìm kiếm và phát triển những cơ hội mới, đề xuất, đánh giá và đưa ra nhu cầu phát triển sản phẩm.
- Bộ phận phát triển sản phẩm: Chịu trách nhiệm phân tích, đánh giá rủi ro và hoàn thiện sản phẩm mới, phối hợp với các phòng ban chức năng trong Công ty triển khai nhằm đưa sản phẩm ra ngoài thị trường.

Giải pháp về kiểm soát rủi ro

Vấn đề kiểm soát rủi ro cần được thực hiện một cách nghiêm túc, dựa trên các quy trình nghiệp vụ đã, đang và sẽ được ban hành. Công tác rà soát và kiểm soát rủi ro sẽ do Phòng Quản trị rủi ro đảm nhiệm, thực hiện định kỳ hoặc đột xuất, vừa đảm bảo việc kiểm soát tốt các hoạt động của Công ty vừa đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ORS.

6. Rủi ro và quản trị rủi ro

Hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro đầy biến động. Ý thức được điều đó, ORS luôn chú trọng công tác quản trị rủi ro, xem quản trị rủi ro là nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty. Bắt đầu từ năm 2014, ORS đã ban hành chính sách quản trị rủi ro quy định rõ trách nhiệm của mọi đối tượng trong công ty từ Ban điều hành đến từng phòng ban trong việc đánh giá rủi ro và tuân thủ.

➤ **Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là những tổn thất có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của công ty do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót; do con người; do các hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài.

➤ **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là những tổn thất có thể xảy ra do biến đổi bất lợi của giá chứng khoán hoặc các giấy tờ có giá khác.

➤ **Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán là những tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo đúng cam kết.

➤ **Rủi ro thanh khoản**

Những tổn thất có thể xảy ra khi chứng khoán hoặc chứng từ có giá khác công ty đang sở hữu bị mất thanh khoản hoặc kém thanh khoản. Hoặc các khoản tiền mặt không đủ bù đắp cho các nghĩa vụ ngắn hạn của công ty.

➤ **Rủi ro pháp lý**

Những tổn thất xảy ra do sai sót về mặt pháp lý trong hợp đồng, trong các cam kết cung cấp dịch vụ, trong việc soạn thảo quy trình làm việc, hoặc do nhân viên vi phạm các quy định hiện hành.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh chính

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Khoản mục	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
	Tổng doanh thu	20.290	100	9.246	100	11.937	100
1	Doanh thu môi giới chứng khoán	1.941	9,57	1.834	19,83	2.507	21,00
2	Doanh thu đầu tư chứng khoán	4.714	23,23	2.643	28,59	4.275	35,81
4	Doanh thu hoạt động tư vấn	656	3,24	522	5,65	500	4,19
5	Doanh thu lưu ký chứng khoán	204	1,01	462	5,00	413	3,46
6	Doanh thu khác	12.774	62,96	3.785	40,93	4.242	35,54
	Tổng chi phí	20.071		126.474		11.635	
	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	218		(117.228)		302	
	Thu nhập khác	150		723		383	
	Chi phí khác	2		502		40	
	Lợi nhuận trước thuế	366		(117.008)		645	

(Nguồn: BCTC đã được kiểm toán của ORS)

Diễn biến thuận lợi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán đã giúp cho hoạt động kinh doanh của ORS trong năm 2014 có dấu hiệu khởi sắc so với năm 2013. Trong đó, khả quan nhất là hoạt động tư vấn mang lại lợi nhuận chủ yếu cho công ty và tiến hành thanh toán được những khoản đầu tư dài hạn mà công ty nắm giữ đã lâu.

Tổng kết kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014, ORS đã thực hiện vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Tổng doanh thu đạt 11,94 tỷ đồng, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm 2013 và vượt 15,87% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 645 triệu đồng, vượt 88% kế hoạch năm.

2. Tổ chức và nhân sự

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Vũ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phan Vũ Tuấn có 15 năm kinh nghiệm quản lý và hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. Hiện tại, ông đang là Phó giám đốc CTCP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoàn Lộc Việt. Trước đó, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Giám đốc chi nhánh tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB); Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh Tp. HCM tại CTCP Chứng khoán Quốc tế VN (VIS); Tổng giám đốc CTCP Quản lý quỹ Lộc Việt.

Ông Lâm Đạo Thảo – Thành viên thường trực HĐQT

Với 20 năm kinh nghiệm quản lý, Ông Lâm Đạo Thảo đã từng nắm giữ nhiều vị trí chủ chốt tại các doanh nghiệp như Phó Chủ tịch thứ nhất kiêm Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Chủ tịch HĐQT - Công ty Liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Phó Tổng Giám Đốc - Ngân hàng TMCP Nam Á, Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông. Ông tham gia HĐQT ORS với chức danh thành viên thường trực HĐQT.

Ông Võ Quang Long – Thành viên HĐQT

Ông Võ Quang Long đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư tại Công ty Quản lý quỹ ACB và Ngân hàng TMCP Phát triển nhà. Hiện tại, Ông Long đang giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư tại Ngân hàng TMCP Phương Đông. Ông tham gia HĐQT ORS với chức danh Thành viên thường trực HĐQT.

Ông Diệp Trí Minh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc.

Ông Diệp Trí Minh được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Phương Đông từ ngày **18/04/2014**. Tốt nghiệp Cao học chuyên ngành Kinh tế Phát triển tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Ông Minh đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán và giữ các chức vụ quan trọng trong các công ty chứng khoán như: Giám đốc Phát triển kinh doanh – Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt; Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Tourist; Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Phương Đông.

Thay đổi thành viên HĐQT

Ngày 24/03/2014, Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Phương Đông đã thông qua nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐQT về việc chấp thuận đơn từ nhiệm thành viên HĐQT ORS của Ông Tạ Phước Đạt theo nguyện vọng cá nhân.

Ngày 24/03/2014, Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Phương Đông đã thông qua nghị quyết số 02/2014/NQ-HĐQT về việc đề cử Ông Diệp Trí Minh làm thành viên HĐQT ORS.

Ngày 22/09/2014, Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán Phương Đông đã thông qua nghị quyết số 03B/2014/NQ-HĐQT về việc chấp thuận đơn từ nhiệm Chủ tịch HĐQT ORS của Ông Phạm Linh và đề cử Ông Phan Vũ Tuấn tham gia HĐQT.

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Phẩm – Thành viên Ban kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh cùng với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán Ông Nguyễn Văn Phẩm đã từng giữ vị trí Kế toán trưởng tại nhiều doanh nghiệp. Hiện nay Ông là Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty CP Văn hóa Tổng hợp Bến Thành và đồng thời giữ vị trí thành viên Ban kiểm soát tại ORS.

Ông Phạm Đức Duy – Thành viên Ban kiểm soát

Ông Phạm Đức Duy tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Ông được bầu là thành viên Ban Kiểm soát - Công ty CP Chứng khoán Phương Đông nhiệm kỳ II (2011- 2016) vào ngày 28/05/2013. Ông có gần 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng. Hiện ông đang làm việc tại phòng Đầu tư của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).

Ban Tổng Giám Đốc

Ông Diệp Trí Minh – Tổng Giám đốc

Ông Diệp Trí Minh được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Phương Đông từ ngày **18/04/2014**. Tốt nghiệp Cao học chuyên ngành Kinh tế Phát triển tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Ông Minh đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán và giữ các chức vụ quan trọng trong các công ty chứng khoán như: Giám đốc Phát triển kinh doanh – Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt; Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Tourist; Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Phương Đông.

Ông Nguyễn Trát Minh Phương – Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trát Minh Phương tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Với 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, Ông được xem là người có nhiều đóng góp đáng kể trong vai trò Kế toán trưởng tại Công ty Phước Thạnh và Anpha T&M Express. Hiện Ông đang giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc ORS.

Thay đổi Ban Tổng Giám Đốc

Trong năm 2014, ORS có sự thay đổi các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Ngày 18/04/2014, Ông Diệp Trí Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc theo Quyết định số 01/2014/QĐ-HĐQT của HĐQT.

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2014 tổng số lao động của ORS là 30 người, với cơ cấu lao động như sau:

Cơ cấu lao động	SL lao động	Tỷ trọng
Tổng số lao động	28	100%
Trình độ lao động		
Đại học và trên đại học	19	68%

Cao đẳng, trung học, lao động phổ thông	9	32%
Giới tính		
Lao động nam	17	61%
Lao động nữ	11	39%
Độ tuổi		
Lao động trên 30 tuổi	24	86%
Lao động dưới 30 tuổi	04	14%

Chính sách đối với người lao động

Tiếp tục duy trì bộ máy nhân sự tinh gọn, theo hướng ít nhưng hiệu quả, trong năm 2014 ORS vẫn bảo đảm hoạt động của các bộ phận ổn định và có phần cải thiện hơn so với các năm trước.

Công ty duy trì chính sách lương, thưởng cùng với chế độ bảo hiểm phù hợp, khuyến khích tinh thần làm việc của CBNV. Đồng thời chú trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ lao động nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu công việc. Bên cạnh đó, ORS còn tạo một môi trường làm việc thân thiện, các hoạt động đội nhóm luôn được quan tâm, tổ chức đều đặn hằng năm để nâng cao tinh thần đoàn kết, kích thích tinh thần làm việc hăng say của toàn thể cán bộ công nhân viên góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của ORS.

III. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về nhân sự Hội đồng Quản trị năm 2014:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Phạm Linh	Chủ tịch HĐQT đến ngày 22/09/2014	Từ nhiệm vào 22/09/2014
1	Ông Phan Vũ Tuấn	Chủ tịch HĐQT từ ngày 22/09/2014	Được tiến cử 22/09/2014
3	Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên HĐQT đến ngày 21/3/2014	Từ nhiệm vào 21/03/2014
2	Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên Thường trực HĐQT	
3	Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	
4	Ông Diệp Trí Minh	Thành viên HĐQT từ ngày 25/3/2014	Được tiến cử 21/03/2014

2. Các phiên họp định kỳ và chế độ báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2014:

- Trong năm 2014 HĐQT đã tổ chức 15 phiên họp định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên HĐQT tham dự. Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, các nội dung đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Về cơ bản, HĐQT đã quyết định

các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước và bối cảnh của thị trường chứng khoán. Theo quy định đối với tổ chức niêm yết, HĐQT đã có báo cáo quản trị 06 tháng và báo cáo năm gửi UBCK, các Sở GDCK và cổ đông (Quý cổ đông có thể xem báo cáo này tại Website Công ty). Qua đó nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

- Thực hiện phối hợp với Ban kiểm soát để duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định pháp luật. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng pháp luật.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, quy chế tổ chức hoạt động Hội đồng Quản trị.
- Đồng thời, trong năm Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư, phải thu chậm thanh toán phát sinh trước đây nhằm đảm bảo tính minh bạch theo luật định.
- Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị, cụ thể là từng thành viên HĐQT đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động Công ty theo đúng định hướng phát triển mục tiêu kinh doanh do ĐHCĐ giao, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

3. Các mặt hoạt động của Công ty

- a) **Về hoạt động giám sát, điều hành với Ban Tổng giám đốc:** Được thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty, theo quy chế làm việc của HĐQT, của Ban Điều hành, theo phân cấp ủy quyền... Về cơ bản tất cả các chỉ đạo của HĐQT đều được triển khai kịp thời, đúng đối tượng; các báo cáo vướng mắc, khó khăn đều được HĐQT quán triệt chỉ đạo xử lý dứt điểm tránh những rủi ro thiệt hại xảy ra.
- b) **Về cơ cấu tổ chức:** Từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đến các Phòng/ban đã thực hiện tái cấu trúc toàn diện đảm bảo bộ máy gọn nhẹ, liên thông và hiệu quả.
- c) **Về mặt tài chính:** Căn cứ kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính đã được kiểm toán thì Công ty đã vượt 88.18% so với kế hoạch, lợi nhuận 645,47 triệu đồng. Mặc dù con số lợi nhuận còn khiêm tốn nhưng cũng đánh giá được phần nào sự sát sao của HĐQT, sự quyết tâm của Ban Điều hành và sự nỗ lực của toàn thể CBNV trong năm qua.

Thực hiện các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2014 do ĐHCĐ giao:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014
Doanh thu HĐKD	10.302	11.936
Tổng lợi nhuận trước thuế	343	645,47

- d) **Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014:** Thực hiện ủy quyền của ĐHCĐ về việc giao HĐQT chọn đơn vị kiểm toán trong số các đơn vị kiểm toán đã được ĐHCĐ thường niên năm 2014 thông qua và trên cơ sở đề nghị của Ban Kiểm soát, HĐQT đã quyết định tiếp tục

chọn Công ty TNHH Kiểm toán Đất Việt là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông.

- e) **Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014:** Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thực hiện chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát với số tiền chi trả nằm trong kế hoạch thù lao năm 2014 đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể:

Thù lao	Kế hoạch 2014 (VNĐ)	Thực hiện 2014 (VNĐ)
Hội đồng Quản trị	350.000.000	421.960.000
Ban kiểm soát	100.000.000	48.000.000

4. Phương hướng hoạt động năm 2015

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2015 được Đại hội cổ đông thông qua.
- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn tài chính, an toàn hoạt động, tuân thủ các quy định của UBCKNN, các Sở giao dịch chứng khoán để duy trì hoạt động ổn định và tạo sự phát triển bền vững.
- Mở rộng thị phần, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua phương án hợp nhất hoặc sáp nhập với một và một số công ty chứng khoán khác.
- Thay đổi trụ sở hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu, hình ảnh Công ty, từng bước trở thành công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam.
- Tái cơ cấu danh mục đầu tư, tập trung nguồn lực phát triển một số hạng mục tạo thanh khoản và bổ sung vốn cho các hoạt động khác của Công ty.
- Thay đổi cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của Công ty, đặt trọng tâm vào mục đích kinh doanh và nâng cao hiệu quả hoạt động, bộ máy hoạt động tinh gọn, ổn định.
- Hoàn thiện và bổ sung nhân sự cho HĐQT, tạo sức mạnh trí tuệ của tập thể.

IV. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Về nhân sự và hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2014:

- a) Tính đến thời điểm Đại hội cổ đông năm 2015, Ban Kiểm soát vẫn duy trì số lượng thành viên như cũ là 02 thành viên:
- Ông Phạm Đức Duy.
 - Ông Nguyễn Văn Phẩm.
- b) Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:
- Thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ tình hình chấp hành Nghị Quyết của Đại Hội đồng cổ đông Công ty, tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty trong năm 2014.
 - Tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị.
 - Phối hợp với Ban Điều hành giám sát tình hình hoạt động, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

- Phối hợp với Ban Điều hành và Hội đồng Quản trị đánh giá và hệ thống các rủi ro để ban hành Chính sách Quản trị rủi ro chặt chẽ, sâu sát, phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, kiểm tra việc thực hiện quản trị rủi ro trong công ty để duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định pháp luật.
- Tiến hành đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, tính hợp lý trong việc phân bổ các nguồn lực, cơ cấu nhân sự và thẩm định Báo cáo tài chính giữa niên độ, Báo cáo tài chính năm 2014.
- Kiểm tra các chứng từ kế toán trong năm 2014.
- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, kiểm tra tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế, Quy trình...
- Kiểm tra hoạt động quản lý và điều hành Công ty của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, tham mưu những việc Công ty cần thực hiện để hoàn thiện hệ thống và hoạt động hiệu quả.

2. Về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông:

a) Việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2014:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	% Kế hoạch
Tổng doanh thu	10.302	11.937	115,87%
Lợi nhuận trước thuế	343	645	188,05%
Lợi nhuận sau thuế	343	645	188,05%

Tổng kết kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014, Công ty đã thực hiện vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể:

- Tổng doanh thu đạt 11,94 tỷ đồng, vượt 15,87% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 645 triệu đồng, vượt 88% kế hoạch năm.

Cơ cấu doanh thu

- Trong năm 2014, hoạt động môi giới và hoạt động đầu tư có sự cải thiện đáng kể. Doanh thu môi giới tăng 36,7%, doanh thu hoạt động đầu tư tăng 61,75% so với cùng kỳ năm 2013.
- Cùng với doanh thu hoạt động khác mà chủ yếu là lãi tiền gửi, hoạt động môi giới và hoạt động đầu tư là mảng doanh thu chính của công ty, chiếm tỷ trọng lớn nhất, hơn 92%, trong cơ cấu doanh thu năm 2014.

Cơ cấu chi phí

- Tổng chi phí năm 2014 của công ty chứng khoán Phương Đông là 11,64 tỷ đồng, chỉ bằng 9,2% so với cùng kỳ năm 2013. Trong năm, công ty đã được hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán 15,85 tỷ đồng và hoàn nhập dự phòng khoản phải thu 2,13 tỷ đồng.

Tài sản, nguồn vốn

- Tính đến hết 31/12/2014, tổng tài sản của ORS đạt 491,28 tỷ đồng, giảm 10,24% so với năm trước. Tuy nhiên, kết quả hoạt động kinh doanh vượt kế hoạch đề ra, vì vậy vốn chủ sở hữu có

sự cải thiện, đạt 81,29 tỷ đồng, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2013. Tỷ lệ vốn khả dụng đạt 213,39% (tối thiểu trên 180%).

Hoạt động đào tạo nhân sự

- Trong năm 2014, ORS tiếp tục duy trì bộ máy kinh doanh tinh gọn, tập trung nguồn lực phát triển theo chiều sâu, chủ trương của ORS là phải đa năng, đa nhiệm, một người có thể làm được nhiều việc khác nhau. Qua đó, Công ty có thể giảm chi phí song không mất đi các chức năng, công năng vốn có.

b) Lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Công ty lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014.

c) Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:

Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thực hiện chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát với số tiền chi trả nằm trong kế hoạch thù lao năm 2014 đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể:

Thù lao	Kế hoạch 2014 (VNĐ)	Thực hiện 2014 (VNĐ)
Hội đồng Quản trị	350.000.000	421.960.000
Ban Kiểm soát	100.000.000	48.000.000

3. Thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2014:

- Ban Kiểm soát đã tiến hành làm việc với Kế toán trưởng, rà soát Báo cáo tài chính do Ban Điều hành lập và có ý kiến của Đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt.
- Ban Kiểm soát nhận thấy: xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của CTCP Chứng Khoán Phương Đông đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014. Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán tài chính doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Kiểm soát đã thống nhất với Báo cáo tài chính và ý kiến của kiểm toán viên trên Báo cáo tài chính năm 2014.

4. Đánh giá về hoạt động quản trị Công ty:

Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát nhận thấy:

- Trong năm 2014, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 15 phiên họp thường kỳ để xem xét và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị. Một số cuộc họp của Hội đồng Quản trị có sự tham gia của Ban Điều hành và Ban Kiểm soát để thảo luận và định hướng kịp thời các hoạt động của Công ty.
- Các phiên họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, bám sát chiến lược hoạt động kinh doanh của Công ty. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự.

- Trong năm, Hội đồng Quản trị đã ban hành Chính sách Quản trị rủi ro chung, xác định các rủi ro liên quan đến hoạt động của Công ty và cơ chế quản trị rủi ro, xử lý vi phạm, tiến hành rà soát các mảng hoạt động và đề ra từng hạn mức rủi ro cụ thể.
- Hội đồng Quản trị có thay đổi Chủ tịch trong năm 2014, tuy nhiên việc thay đổi không làm gián đoạn phương hướng hoạt động của Công ty. Hội đồng Quản trị vẫn tiếp tục duy trì việc chỉ đạo sâu sát và xuyên suốt đối với các hoạt động của Công ty nhằm thực hiện tốt những nội dung mà Đại hội cổ đông giao.
- Ban Điều hành đã nghiêm túc thực hiện các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong năm, tiến hành phân công quyền hạn, trách nhiệm đến từng cán bộ quản lý phòng ban để đảm bảo hoạt động kinh doanh của công ty tiến hành đúng pháp luật, phù hợp với các chủ trương, chính sách của Nhà nước và đạt hiệu quả như Đại hội cổ đông đã giao phó.

5. Kiến nghị

Qua phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 2014 của Công ty, Ban Kiểm soát đã có các kiến nghị với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành xem xét, thực hiện các vấn đề:

- Vụ án Huyền Như tuy đã phát sinh tình huống thuận lợi cho ORS bằng việc Hội đồng xét xử tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm; đồng thời điều tra lại, xem xét trách nhiệm của Vietinbank đối với nhóm 5 công ty, trong đó có công ty chứng khoán Phương Đông. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành vẫn phải tiếp tục theo sát diễn tiến của vụ án theo hướng đảm bảo quyền lợi cao nhất cho ORS.
- Công ty cần có các phương án kinh doanh cụ thể để nắm bắt tốt cơ hội của thị trường, nhằm đẩy mạnh khôi phục những khó khăn, giảm nhanh được khoản lỗ lũy kế của những năm trước, cụ thể:
 - Đối với các dịch vụ tài chính mang lại nguồn thu cho Công ty đề nghị tiếp tục tích cực phát huy trong năm 2015 trên cơ sở đảm bảo tuyệt đối an toàn.
 - Nghiên cứu, đánh giá, phân tích tình hình, xu hướng thị trường trong thời gian sắp tới để kịp thời điều chỉnh hoạt động kinh doanh năm 2015 theo hướng phù hợp, sử dụng vốn hiệu quả và đạt hiệu quả cao.
- Tiếp tục đánh giá và tái cấu trúc lại đội ngũ nhân sự để phục vụ khách hàng tốt hơn và đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Tuân thủ chặt chẽ các quy chế, quy định, quy trình quản lý nội bộ, chính sách quản trị rủi ro, các nghị quyết, ý kiến của Hội đồng Quản trị.
- Tiếp tục đôn đốc, thu hồi các khoản công nợ của Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro để đảm bảo tuân thủ trong việc triển khai các hoạt động của Công ty.
- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện chương trình hợp tác kinh doanh, môi giới, các dịch vụ liên quan đến môi giới để đảm bảo không xảy ra rủi ro khi thị trường diễn biến xấu, đặc biệt là tình huống thị trường mất thanh khoản.
- Rà soát tính pháp lý của tất cả các hợp đồng, dịch vụ tài chính đảm bảo quyền xử lý tài sản của Công ty.

- i) Đẩy mạnh hoạt động môi giới, tư vấn và các dịch vụ tài chính khác để tiếp tục gia tăng thị phần, tăng sức cạnh tranh của Công ty.

5. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả kinh doanh chung

Tại BCTC 2014 đã được kiểm toán ghi nhận tình hình hoạt động kinh doanh của ORS như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng (giảm) so với 2013
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	9.245.914.697	11.936.662.507	29.1%
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.833.559.097	2.506.940.444	36.73%
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán góp vốn	2.643.163.873	4.274.424.573	61.72%
- Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	522.272.725	499.742.237	-4.31%
-Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	462.449.497	413.135.576	-10.66%
- Doanh thu khác	3.784.469.505	4.242.419.677	12.1%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	55.584	216.000	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	9.245.859.113	11.936.446.507	29.1%
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	47.139.478.477	4.043.121.207	-91.42%
5. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh	(37.893.619.364)	7.893.325.300	-
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	79.334.763.094	7.591.569.430	-90.43%
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(117.228.382.458)	301.755.870	-
8. Thu nhập khác	723.032.394	383.542.273	-
9. Chi phí khác	502.451.501	39.827.220	-
10. Lợi nhuận khác	220.580.893	343.715.053	-
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(117.007.801.565)	645.470.923	-
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	-	-	-
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(117.007.801.565)	645.470.923	-
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(4.875)	26.89	-

Nền kinh tế tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng đã có dấu hiệu phục hồi với GDP tăng 5.98% vượt 18% so với kế hoạch. Cùng với chỉ số giá tiêu dùng giảm mạnh do giá xăng dầu quốc tế tụt dốc tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam giảm thiểu chi phí. Kinh tế khởi sắc tạo tiền đề cho thị trường chứng khoán diễn biến tích cực. Trong năm 2014, thị trường phát triển theo chiều hướng tăng trưởng cả về chỉ số lẫn giá trị giao dịch.

Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của ORS đã có những chuyển biến tích cực. Tổng kết kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014, ORS đã thực hiện vượt chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Tổng doanh thu đạt

11,94 tỷ đồng, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm 2013 và vượt 15,87% kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 645 triệu đồng, vượt 88% kế hoạch năm.

Trong năm 2014, hoạt động môi giới và hoạt động đầu tư có sự cải thiện đáng kể. Doanh thu môi giới tăng 36,7%, doanh thu hoạt động đầu tư tăng 61,75% so với cùng kỳ năm 2013.

Cùng với doanh thu hoạt động khác mà chủ yếu là lãi tiền gửi, hoạt động môi giới và hoạt động đầu tư là ba mũi nhọn chiếm tỷ trọng lớn nhất, hơn 92%, trong cơ cấu doanh thu năm 2014.

Tổng chi phí năm 2014 của Công ty CP Chứng khoán Phương Đông là 11,64 tỷ đồng, chỉ bằng 9,2% so với cùng kỳ năm 2013. Trong năm, Công ty đã được hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán 15,85 tỷ đồng và hoàn nhập dự phòng khoản phải thu 2,13 tỷ đồng.

Về tài sản, nguồn vốn, tính đến hết 31/12/2014, tổng tài sản của ORS đạt 491,28 tỷ đồng, giảm 10,24% so với năm trước. Tuy nhiên, nhờ vào kết quả hoạt động kinh doanh khởi sắc, vốn chủ sở hữu lại có sự cải thiện, đạt 81,29 tỷ đồng, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2013. Tỷ lệ vốn khả dụng đạt 213,39% (tối thiểu trên 180%).

Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2013	2014
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	9,73	5,95
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	90,27	94,05
Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	85,27	83,45
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	14,73	16,55
Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán tiền mặt	lần	0,92	1,09
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,06	1,13
Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	-21,38	0,13
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-1.265,52	5,41
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Nguồn vốn chủ sở hữu	%	-145,10	0,79

Giá trị sổ sách

Tính đến thời điểm 31/12/2014, Giá trị sổ sách mỗi cổ phần của Công ty CP Chứng khoán Phương Đông là: 3.387 đồng/cổ phần.

Những thay đổi về vốn góp trong năm

Trong năm 2014, Công ty không có sự thay đổi trong cơ cấu vốn cổ đông và cũng không phát hành trái phiếu, số cổ phiếu lưu hành vẫn giữ nguyên như đầu năm.

Danh mục	Đơn vị	Số đầu năm	Số cuối năm
Cổ phiếu thường	cổ phiếu	24,000,000	24,000,000
Số lượng cổ phiếu lưu hành	cổ phiếu	24,000,000	24,000,000
Cổ phiếu quỹ	cổ phiếu	0	0
Cổ phiếu ưu đãi	cổ phiếu	0	0
Trái phiếu	trái phiếu	0	0

Tình hình chi trả cổ tức trong năm

Trong năm tài chính 2014, mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty đã có dấu hiệu khả quan, nhưng số lỗ lũy kế vẫn còn rất lớn nên ORS không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông.

2. Các hoạt động nghiệp vụ và những tiến bộ đạt được

Hoạt động môi giới

Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, về mặt khách quan, tình hình cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán ngày càng gay gắt; về mặt chủ quan, ORS đang không có lợi thế về hoạt động hỗ trợ tài chính nhằm thu hút khách hàng. Tuy nhiên, với diễn biến thị trường thuận lợi hơn trong năm 2014, ORS đã phấn đấu hoàn thành vượt chỉ tiêu. Doanh thu hoạt động môi giới đạt 2,5 tỷ đồng, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận môi giới đạt 292 triệu đồng.

Tính đến ngày 31/12/2014, Công ty CP Chứng khoán Phương Đông có tổng cộng 9.331 tài khoản giao dịch. Trong đó có 9.270 tài khoản của nhà đầu tư cá nhân trong nước, 48 tài khoản nhà đầu tư tổ chức trong nước, 12 tài khoản cá nhân nước ngoài và 1 tài khoản tổ chức nước ngoài, tăng 135 tài khoản so với năm 2013. Tổng giá trị giao dịch hơn 1.480 tỷ đồng tăng 22,76% so với cùng kỳ 2013.

Hoạt động đầu tư

Chủ trương chung của Công ty trong năm 2014 là thực hiện thanh toán các khoản đầu tư dài hạn và nắm bắt cơ hội đầu tư ngắn hạn nhằm tối đa hóa doanh thu.

Doanh thu hoạt động tự doanh năm 2014 đạt 4,27 tỷ đồng, tăng 61,71% so với cùng kỳ 2013. Chi phí tự doanh hơn 17 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong năm, công ty được hoàn nhập dự phòng chứng khoán giảm giá 15,85 tỷ đồng dẫn đến tổng kết cả năm hoạt động tự doanh của công ty lãi gần 3 tỷ đồng.

Tính đến hết ngày 31/12/2014, tổng danh mục đầu tư ngắn hạn và dài hạn của Công ty CP Chứng khoán Phương Đông đạt khoảng 76,2 tỷ đồng. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán được hơn 40 tỷ đồng các cổ phiếu trong danh mục đầu tư dài hạn.

Hoạt động tư vấn

Cũng như đa số các công ty chứng khoán có cùng quy mô trên thị trường, năm 2014 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động tư vấn của ORS. Thị trường chứng khoán chưa thực sự phát triển ổn định, dẫn đến nhu cầu tư vấn phát hành và tư vấn niêm yết ít phát sinh, một số hợp đồng đã ký kết nhưng tình hình kinh tế khó khăn nên khách hàng tạm ngưng thực hiện. Thêm vào đó, mức độ cạnh tranh giữa các

công ty chứng khoán trên thị trường ngày càng gay gắt làm cho việc tiếp xúc và phát triển khách hàng mới là hết sức khó khăn.

Thêm vào đó, chính sách chung của ORS trong năm này là duy trì hoạt động, hạn chế tối thiểu những hoạt động có thể phát sinh rủi ro cho Công ty. Điều này cũng ảnh hưởng nhất định tới kết quả doanh thu của hoạt động tư vấn. Một số nghiệp vụ bao gồm: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành của ORS vẫn chưa được phép thực hiện do chưa đáp ứng điều kiện theo quy định. Tuy nhiên, trên cơ sở các mối quan hệ đã được tạo lập và phát triển tốt với các khách hàng lớn, các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước như: Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp - DATC, Tổng Công ty Than – Khoáng sản Việt Nam, Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 6 (Cienco 6), Tổng Công ty Rau quả Nông sản, ... đã tạo cơ hội để ORS tiếp cận và cung cấp dịch vụ cho hệ thống các công ty con, các công ty thành viên của các đơn vị này trong năm vừa qua. Doanh thu hoạt động tư vấn và đại lý phát hành năm 2014 đạt khoảng 500 triệu đồng, chiếm 4,19% so với tổng doanh thu toàn Công ty. Mặc dù có sự sụt giảm so với năm 2013 về giá trị (xấp xỉ 96% doanh thu tư vấn năm 2013 là 522 triệu đồng), song đây là kết quả tích cực trong bối cảnh chung còn nhiều khó khăn và so sánh tương quan với hoạt động tư vấn tài chính tại các công ty chứng khoán khác.

Các hoạt động khác

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, các hoạt động hỗ trợ của Công ty cũng được tập trung thực hiện trong năm 2014, cụ thể như sau:

a) Công tác nhân sự đào tạo

Trong năm 2014, ORS tiếp tục duy trì bộ máy kinh doanh tinh gọn, tập trung nguồn lực phát triển theo chiều sâu, chủ trương của ORS là phải đa năng, đa nhiệm, một người có thể làm được nhiều việc khác nhau. Qua đó, Công ty có thể giảm chi phí song không mất đi các chức năng, công năng vốn có.

Ngoài ra, ORS cũng tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên, cụ thể trong năm ORS đã chủ động phối hợp cùng với Công ty Luật ngân hàng – Chứng khoán – Đầu tư BASICO mở lớp đào tạo kiến thức luật tổng quát cho các nhân sự tại ORS.

b) Phát triển công nghệ

Với tình hình kinh doanh rất khó khăn trong năm 2014 vừa qua, Công ty không thực hiện đầu tư hạ tầng hệ thống mà chỉ tập trung cho việc nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống phần mềm nội bộ. Các dự án đã triển khai:

- Phối hợp cùng phía đối tác tinh chỉnh và nâng cấp Hệ thống Giao Dịch Trực Tuyến để cung cấp thêm chức năng thu phí lưu ký chứng khoán, giúp Công ty giảm thất thoát tài chính so với các năm trước.
- Bổ sung chức năng thu nợ tự động đối với các khách hàng có sử dụng dịch vụ gia tăng giao dịch chứng khoán tại ORS.
- Chỉnh sửa, nâng cấp website ORS với giao diện mới, đơn giản và chuyên nghiệp hóa nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, người duyệt web.
- Bổ sung thêm các báo cáo quản trị rủi ro về chứng khoán trên hệ thống OMIS làm giảm thiểu rủi ro về tài chính của Công ty ở mức thấp nhất.

- Thực hiện tốt công tác vận hành, quản lý hạ tầng, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, hỗ trợ kịp thời cho các bộ phận nghiệp vụ khác.

c) Hoạt động kế toán và quản lý nguồn vốn

Bộ phận kế toán thực hiện tốt các báo cáo quản trị nội bộ, các báo cáo cho các cơ quan quản lý, tham vấn kịp thời cho Ban điều hành trong việc quản trị nguồn vốn.

Hoạt động quản trị nguồn vốn: trong năm qua, đây là một trong những hoạt động có đóng góp đáng kể trong tổng thu nhập của công ty.

d) Hoạt động kiểm soát nội bộ

Trong năm 2014, công tác kiểm tra kiểm soát hoạt động kinh doanh được thực hiện thường xuyên; các thiếu sót, vi phạm được giảm thiểu rất nhiều so với thời gian trước.

3. Kế hoạch phát triển

Kế hoạch tài chính

Với tình hình giao dịch thị trường chứng khoán khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, ORS xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2015 như sau:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	KH 2015	2014%
Doanh thu	11.937	17.000	142,41%
Tổng chi phí	11.635	15.000	128,92%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	302	2.000	662,25%
Lợi nhuận khác	343	-	-
Lợi nhuận trước thuế	645	2.000	310,08%

Kế hoạch hoạt động

- Hoạt động môi giới: Phân đầu tăng tối thiểu 500 tài khoản giao dịch (tương đương 5%), đưa mức doanh thu môi giới lên 3,5 tỷ đồng.
- Hoạt động tư vấn: Tiếp tục triển khai các hoạt động tư vấn tài chính, đẩy mạnh công tác tìm kiếm khách hàng, đảm bảo thực hiện các hợp đồng đúng tiến độ và hiệu quả.
- Hoạt động đầu tư: Tiếp tục thực hiện việc thanh toán các khoản đầu tư dài hạn còn tồn đọng nhằm nâng cao lượng vốn lưu động của công ty. Theo dõi, bám sát thị trường nhằm nắm bắt cơ hội thực hiện các giao dịch đầu tư ngắn hạn khi thị trường có những diễn biến thuận lợi.

1. Các giải pháp

Quản lý chi phí: kiểm tra, rà soát toàn bộ các hạng mục chi phí hoạt động, tiết giảm các chi phí không quan trọng.

Quản lý kế hoạch doanh thu:

Hoạt động môi giới:

- Tập trung theo định hướng ưu tiên phát triển khách hàng cá nhân và tổ chức trong nước, từng bước tiếp cận và phát triển khách hàng nước ngoài.

- Thông qua việc sáp nhập/hợp nhất, khởi động lại dịch vụ hỗ trợ tài chính nâng cao doanh thu và thu hút thêm nhà đầu tư.
- Xây dựng và quản lý chặt chẽ danh mục tài trợ, giám sát và thực hiện nghiêm ngặt các quy định xử lý tài sản, đảm bảo không gây ra nợ xấu.

Hoạt động tự doanh:

- Tiếp tục thanh toán các khoản đầu tư dài hạn hiện hữu.
- Bám sát thị trường, nắm bắt cơ hội đầu tư ngắn hạn.
- Theo dõi các đợt IPO nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư mới có hiệu quả, trên cơ sở phân bổ nguồn vốn và danh mục đầu tư hợp lý.

Hoạt động tư vấn:

- Duy trì và giữ vững quan hệ với các khách hàng hiện hữu, tìm kiếm giải pháp đẩy mạnh tiến độ các hợp đồng hiện hữu để ghi nhận doanh thu.
- Thông qua công tác quảng bá hình ảnh của công ty, tích cực tìm kiếm các cơ hội, mở rộng mối quan hệ nhằm kết nối với các khách hàng tiềm năng.

Quản lý rủi ro:

Hoàn thiện các hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; xây dựng quy chế quản lý rủi ro nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của công ty và pháp luật

Tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động của các bộ phận liên quan đến giao dịch với khách hàng, nhằm giảm thiểu các rủi ro thất thoát tài sản và uy tín của công ty, giảm thiểu các xung đột lợi ích với khách hàng.

6. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ của công ty chứng khoán:

Tên tổ chức/ cá nhân	Địa chỉ	Tỉ lệ nắm giữ
Ngân hàng TMCP Phương Đông	45 Lê Duẩn, Q. 1, TP. HCM	11%

7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-CTCK
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		462.029.985.285	494.099.088.973
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		446.740.943.430	427.994.872.269
Tiền	111	V.1	446.740.943.430	427.994.872.269
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	6.457.886.589	1.141.060.957
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.641.972.753	1.449.913.512
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.184.086.164)	(308.852.555)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	8.457.939.046	64.837.029.747
1. Phải thu khách hàng	131		11.936.553.528	11.997.553.528
2. Trả trước cho người bán	132		32.890.000	3.140.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		17.894.767	13.549.190
4. Các khoản phải thu khác	135		78.818.595.807	137.336.428.008
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(82.347.995.056)	(84.513.640.979)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		373.216.220	126.126.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	198.611.220	6.000.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		174.605.000	120.126.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		29.246.893.880	53.227.964.375
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.955.124.493	3.132.411.698
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	1.166.520.328	78.078.430
Nguyên giá	222		7.213.042.288	6.385.461.379
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.046.521.960)	(6.307.382.949)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.788.604.165	3.054.333.268
Nguyên giá	228		7.488.985.064	7.488.985.064
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.700.380.899)	(4.434.651.796)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	22.785.747.201	46.776.002.811
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		68.562.171.856	109.299.251.166
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		68.562.171.856	109.299.251.166
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(45.776.424.655)	(62.523.248.355)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.506.022.186	3.319.549.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	40.184.092	124.410.726
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	3.373.838.094	3.035.139.140
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	92.000.000	160.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		491.276.879.165	547.327.053.348

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		409.989.712.329	466.685.357.435
I. Nợ ngắn hạn	310		409.989.712.329	466.685.357.435
2. Người mua trả tiền trước	313		116.625.000	148.625.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	207.685.311	214.823.607
4. Phải trả người lao động	315		4.470.641	5.345.641
5. Chi phí phải trả	316	V.12	123.522.721	97.698.714
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	27.360.887.539	82.732.169.534
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.14	380.005.635.000	380.000.000.000
8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.15	2.170.651.999	3.486.460.821
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		234.118	234.118
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81.287.166.836	80.641.695.913
I. Vốn chủ sở hữu	410		81.287.166.836	80.641.695.913
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	420		(209.760.723.362)	(210.406.194.285)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		491.276.879.165	547.327.053.348


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán lưu ký	006		694.300.370.000	688.643.320.000
<i>Trong đó:</i>				
Chứng khoán giao dịch	007		489.279.120.000	541.505.960.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		9.862.890.000	9.203.620.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		478.230.500.000	531.238.660.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.185.730.000	1.063.680.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		205.021.250.000	147.137.360.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký			20.000	-
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		205.021.230.000	147.137.360.000



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2015

DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH TUYÊN
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Mẫu B 03-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01		645.470.923	(117.007.801.565)
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		1.389.864.530	1.540.687.812
- Các khoản dự phòng	03		(18.037.236.014)	108.176.231.357
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.694.979.264)	(6.205.891.392)
- Chi phí lãi vay	06		21.056.944	6.030.556
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(23.675.822.881)	(13.490.743.232)
- Giảm các khoản phải thu	09		58.151.558.670	10.909.608.452
- Giảm các khoản phải trả	11		(47.372.715.149)	(48.053.640.131)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(108.384.586)	182.362.650
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11.116.035.051)	(6.030.556)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.958.293.542.312	1.512.874.789.432
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.956.453.494.162)	(1.500.475.826.925)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(22.281.350.847)	(38.059.480.310)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.252.404.545)	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		363.636.364	719.927.271
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(18.618.506.600)	(14.595.381.609)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		53.163.526.669	18.257.229.857
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.371.170.120	5.720.659.974
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		41.027.422.008	10.102.435.493
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		18.900.000.000	6.000.000.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(18.900.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		18.746.071.161	(27.957.044.817)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		427.994.872.269	455.951.917.086
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	446.740.943.430	427.994.872.269

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2015



DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH TUYÊN
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 05-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.16	240.000.000.000	240.000.000.000					240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	V.16	50.000.000.000	50.000.000.000					50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		1.047.890.198	1.047.890.198					1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)		(93.398.392.720)	(210.406.194.285)			117.007.801.565	645.470.923	(210.406.194.285)	(209.760.723.362)
TỔNG CỘNG		197.649.497.478	80.641.695.913			117.007.801.565	645.470.923	80.641.695.913	81.287.166.336

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2015



DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH TUYÊN
Người lập biểu

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông được lập ngày 4 tháng 3 năm 2015, từ trang 7 đến trang 31 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

Vấn đề cần nhấn mạnh

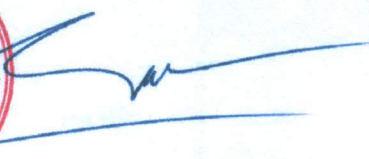
Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh với người đọc Báo cáo tài chính này rằng: Trong số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm 380.000.000.000 VND, là số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch (xem Thuyết minh số V.1). Đây là số tiền Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.14). Hiện tại, số tiền này đã được Tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao thành phố Hồ Chí Minh xác định trách nhiệm bồi hoàn của Ngân

hàng Công thương Việt Nam. Vì vậy, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản tiền này. Tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2015




VĂN NAM HẢI - Phó Giám đốc
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0832-2013-037-1


NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0474-2013-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
- Nhân viên**
Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 30 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, là năm tài chính thứ 8 của Công ty.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán”, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các Công ty Chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các Công ty Chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác và các khoản ký quỹ dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	8

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,.. là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm chứng khoán, phần mềm kế toán,.. được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

8. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các khoản khoản đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

10. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lỗ lũy kế là số lỗ từ hoạt động kinh doanh của Công ty lũy kế đến ngày kết thúc năm tài chính.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân chứng khoán.

Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

12. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo từng lần nhập, xuất để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

14. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tiền mặt</i>	5.476.309	3.268.191
Tiền mặt	5.476.309	3.268.191
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	446.735.467.121	427.991.604.078
Tiền gửi của Công ty (*)	432.436.680.617	414.696.155.724
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	14.298.786.504	13.295.448.354
Cộng	446.740.943.430	427.994.872.269

(*) Trong số tiền gửi ngân hàng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm 380.000.000.000 VND, đây là số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.14). Công ty chưa dự thu lãi cho khoản tiền gửi này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2014.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện năm 2014

	Khối lượng	Giá trị
<i>Của Công ty chứng khoán</i>	2.063.557	49.307.389.900
Cổ phiếu	2.063.557	49.307.389.900
<i>Của nhà đầu tư</i>	128.519.243	1.432.172.264.500
Cổ phiếu	128.519.243	1.432.172.264.500
Cộng	130.582.800	1.481.479.654.400

3. Các khoản đầu tư tài chính

	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán thương mại	355.699	121.368	7.641.972.753	1.449.913.512	(1.184.086.164)	(308.852.555)	6.457.886.589	1.141.060.957
Chứng khoán đầu tư	3.144.447	4.521.198	68.562.171.856	109.299.251.166	(45.776.424.655)	(62.523.248.355)	22.785.747.201	46.776.002.811
Chứng khoán sẵn sàng để bán	3.144.447	4.521.198	68.562.171.856	109.299.251.166	(45.776.424.655)	(62.523.248.355)	22.785.747.201	46.776.002.811
Cộng (*)	3.500.146	4.642.566	76.204.144.609	110.749.164.678	(46.960.510.819)	(62.832.100.910)	29.243.633.790	47.917.063.768

(*) Chi tiết chứng khoán giảm giá xem Phụ lục số 01

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
		Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1	Phải thu khách hàng	11.997.553.528	11.997.553.528	11.997.553.528	1.393.060.261	1.454.060.261	11.936.553.528	11.936.553.528	11.936.553.528	11.936.553.528
2	Trả trước cho người bán	3.140.000	-	-	150.394.746	120.644.746	32.890.000	-	-	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	13.549.190	-	-	3.181.902.529	3.177.556.952	17.894.767	-	-	-
	<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	<i>13.549.190</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3.181.902.529</i>	<i>3.177.556.952</i>	<i>17.894.767</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	156.558.236	156.558.236	-	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác (*)	137.336.428.008	72.516.087.451	72.516.087.451	356.329.643.297	414.847.475.498	78.818.595.807	70.411.441.528	70.411.441.528	70.411.441.528
	Cộng	149.350.670.726	84.513.640.979	84.513.640.979	361.211.559.069	419.756.295.693	90.805.934.102	82.347.995.056	82.347.995.056	82.347.995.056

(*) Chi tiết các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các tổ chức	20.221.558.487	78.207.622.374
Phải thu cá nhân	58.597.037.320	58.997.424.868
Phải thu khác	-	131.380.766
Cộng	<u>78.818.595.807</u>	<u>137.336.428.008</u>

5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí thuê nhà	6.000.000	930.909.091	930.909.091	6.000.000
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	-	18.667.909	7.660.023	11.007.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	891.826.671	807.106.671	84.720.000
Chi phí khác	-	229.666.301	132.782.967	96.883.334
Cộng	<u>6.000.000</u>	<u>2.071.069.972</u>	<u>1.878.458.752</u>	<u>198.611.220</u>

6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	66.260.000	5.894.377.743	424.823.636	6.385.461.379
2. Tăng trong năm	-	311.950.000	940.454.545	1.252.404.545
<i>Mua sắm mới</i>	-	<i>311.950.000</i>	<i>940.454.545</i>	<i>1.252.404.545</i>
3. Giảm trong năm	-	-	424.823.636	424.823.636
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	<i>424.823.636</i>	<i>424.823.636</i>
4. Số cuối năm	<u>66.260.000</u>	<u>6.206.327.743</u>	<u>940.454.545</u>	<u>7.213.042.288</u>
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số đầu năm	66.260.000	5.891.528.501	349.594.448	6.307.382.949
2. Tăng trong năm	-	49.547.853	74.587.574	124.135.427
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	<i>49.547.853</i>	<i>74.587.574</i>	<i>124.135.427</i>
3. Giảm trong năm	-	-	384.996.416	384.996.416
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	<i>384.996.416</i>	<i>384.996.416</i>
4. Số cuối năm	<u>66.260.000</u>	<u>5.941.076.354</u>	<u>39.185.606</u>	<u>6.046.521.960</u>
III. Giá trị còn lại				
1. Số đầu năm	-	2.849.242	75.229.188	78.078.430
2. Số cuối năm	<u>-</u>	<u>265.251.389</u>	<u>901.268.939</u>	<u>1.166.520.328</u>
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:				
1. Số đầu năm	66.260.000	5.860.186.834	-	5.926.446.834
2. Số cuối năm	<u>66.260.000</u>	<u>5.894.377.743</u>	<u>-</u>	<u>5.960.637.743</u>

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán
I. Nguyên giá	
1. Số đầu năm	7.488.985.064
2. Tăng trong năm	-
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	7.488.985.064
II. Giá trị hao mòn lũy kế	
1. Số đầu năm	4.434.651.796
2. Tăng trong năm	1.265.729.103
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>1.265.729.103</i>
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	5.700.380.899
III. Giá trị còn lại	
1. Số đầu năm	3.054.333.268
2. Số cuối năm	1.788.604.165
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	
1. Số đầu năm	1.014.689.550
2. Số cuối năm	1.189.469.550

8. Chi phí trả trước dài hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	11.089.769	18.950.000	11.616.158	18.423.611
Chi phí khác	113.320.957	-	91.560.476	21.760.481
Cộng	124.410.726	18.950.000	103.176.634	40.184.092

9. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.915.139.140	2.619.009.560
Tiền lãi phân bổ	338.698.954	296.129.580
Cộng	3.373.838.094	3.035.139.140

10. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản ký quỹ thuê văn phòng, thuê nhà	92.000.000	160.000.000
Cộng	92.000.000	160.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
1	Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	12.481.819	53.605.629	64.269.266	1.818.182
2	Các loại thuế khác	202.341.788	811.594.314	808.068.973	205.867.129
	- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	202.341.788	808.594.314	805.068.973	205.867.129
	Cộng	214.823.607	865.199.943	872.338.239	207.685.311

• Thuế giá trị gia tăng

- Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng:
 - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
 - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

• Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các khoản thuế theo qui định hiện hành.

12. Chi phí phải trả

Phí lưu kí, giao dịch phải trả Ủy ban	70.000.000	66.326.986
Chi phí khác	53.522.721	31.371.728
Cộng	123.522.721	97.698.714

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<i>Kinh phí công đoàn</i>	13.297.500	
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	8.471.800	-
<i>Bảo hiểm y tế</i>	633.600	-
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	316.600	230.000
<i>Các khoản phải trả khác</i>	5.784.528.535	62.950.348.180
Phải trả lãi vay vốn	-	11.094.978.107
Phải trả vốn cho các công ty	-	50.000.000.000
Các khoản phải trả khác	5.784.528.535	1.855.370.073
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư</i>	14.298.786.504	13 295 448 354
<i>Phong tỏa ký quỹ mua chứng khoán của nhà đầu tư</i>	7.254.853.000	6 486 143 000
Cộng	27.360.887.539	82.732.169.534

14. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán	5.635.000	-
Phải trả khác (*)	380.000.000.000	380.000.000.000
Cộng	380.005.635.000	380.000.000.000

(*) Khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong tiền thực hiện hợp đồng môi giới mua chứng khoán, khoản tiền này được gửi vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đang bị tạm ngừng giao dịch

(xem Thuyết minh số V.1). Công ty chưa dự chi lãi cho khoản phải trả này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2014.

15. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.151.239.499	3.467.048.321
Phải trả cổ tức cho cổ đông	19.412.500	19.412.500
Cộng	2.170.651.999	3.486.460.821

16. Vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn góp

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	240.000.000.000	240.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	290.000.000.000	290.000.000.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	2.506.940.444	1.833.559.097
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.274.424.573	2.643.163.873
Doanh thu lưu ký chứng khoán	413.135.576	462.449.497
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	499.742.237	522.272.725
Doanh thu khác	4.242.419.677	3.784.469.505
Tổng doanh thu	11.936.662.507	9.245.914.697
Khoản giảm trừ doanh thu	(216.000)	(55.584)
Doanh thu thuần	11.936.446.507	9.245.859.113

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.214.796.168	3.172.795.450
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17.131.502.728	3.946.743.026

Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán	77.240.853	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	426.172.055	423.531.734
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	(15.871.590.091)	39.501.501.655
Chi phí khác	64.999.494	94.906.612
Cộng	4.043.121.207	47.139.478.477

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	3.484.328.626	4.068.701.766
Chi phí vật liệu quản lý	27.792.190	27.328.493
Chi phí đồ dùng văn phòng	222.734.464	200.133.262
Chi phí khấu hao	1.389.864.530	1.540.654.291
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	6.404.000
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	(2.127.852.483)	68.674.729.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.600.429.316	4.170.452.909
Chi phí bằng tiền khác	991.272.787	646.358.671
Cộng	7.591.569.430	79.334.763.094

4. Lợi nhuận khác

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	363.636.364	719.927.271
Thu nhập khác	19.905.909	3.105.123
Thu nhập khác	383.542.273	723.032.394
GTCL của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	39.827.220	230.315.487
GTCL của công cụ, dụng cụ nhượng bán, thanh lý	-	6.814.829
Các khoản truy thu, phạt	-	265.321.185
Chi phí khác	39.827.220	502.451.501
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	343.715.053	220.580.893

5. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	645.470.923	(117.007.801.565)
Điều chỉnh:	159.631.675	-
Cộng: Chi phí không tính thuế	159.631.675	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Trừ: Lỗ được chuyển	(805.102.598)	-
Tổng thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế)	-	(117.007.801.565)
Thuế suất áp dụng	20%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế theo quy định hiện hành do Công ty có tổng doanh thu trong năm không quá hai mươi tỷ đồng (20 tỷ VND). Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2014 do Công ty có thu nhập chịu thuế sau khi thực hiện chuyển lỗ của các năm trước sang.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

6. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	645.470.923	(117.007.801.565)
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	645.470.923	(117.007.801.565)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	24.000.000	24.000.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	26,89	(4.875)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Các khoản tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	14.298.786.504	13.295.448.354

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt của Công ty trong năm như sau:

	<u>Số năm nay</u>	<u>Số năm trước</u>
Lương, phụ cấp	1.129.138.700	1.085.150.557

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	446.740.943.430	427.994.872.269
Đầu tư ngắn hạn	6.457.886.589	1.141.060.957
Phải thu khách hàng	-	-

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	17.894.767	13.549.190
Các khoản phải thu khác	8.407.154.279	64.820.340.557
Đầu tư dài hạn	22.785.747.201	46.776.002.811
Ký quỹ dài hạn	92.000.000	160.000.000
Cộng	484.501.626.266	540.905.825.784
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	123.522.721	97.698.714
Các khoản phải trả khác	27.338.168.039	82.731.939.534
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	380.005.635.000	380.000.000.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.170.651.999	3.486.460.821
Cộng	409.637.977.759	466.316.099.069

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá (giá của cổ phiếu, giá của các chứng khoán sẵn sàng để bán,...)), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá (giá của cổ phiếu, giá của các chứng khoán sẵn sàng để bán,...).

Do ảnh hưởng của thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty đã giảm đáng kể trong những năm gần đây, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá của các công cụ tài chính (giá của cổ phiếu, giá của các chứng khoán sẵn sàng để bán) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu, giá chứng khoán

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư,... Nếu giá cổ phiếu đầu tư tăng/giảm 10% trong khi tất cả các chỉ số khác không thay đổi thì lỗ trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 2.924.363.379 VND.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (bao gồm các khoản phải thu khác, tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên bảng điểm xếp hạng tín dụng chi tiết và hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản nợ phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Các khoản phải thu khác

Công ty cho các tổ chức, cá nhân vay/ mượn tiền mua chứng khoán.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty có các khoản phải thu liên quan đến các khoản cho vay vay/ mượn này bao gồm các khoản lãi có liên quan. Công ty thường xuyên đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, đồng thời tiến hành trích lập dự phòng những khoản phải thu khó đòi tại cuối kỳ kế toán.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.1, Công ty có rủi ro tín dụng liên quan đến khoản tiền gửi 380.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.14). Hiện tại, số tiền này đã được Tòa án phúc thẩm thành phố Hồ Chí Minh xác định trách nhiệm bồi hoàn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc đánh giá không có rủi ro liên quan đến khoản tiền này và cũng chưa tiến hành trích lập dự phòng cuối năm.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Chi phí phải trả	123.522.721	-	-	123.522.721
Các khoản phải trả	27.338.168.039	-	-	27.338.168.039

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
khác				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	380.005.635.000	-	-	380.005.635.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.170.651.999	-	-	2.170.651.999
Cộng	409.637.977.759	-	-	409.637.977.759
Tiền và các khoản tương đương tiền	446.740.943.430	-	-	446.740.943.430
Đầu tư ngắn hạn	6.457.886.589	-	-	6.457.886.589
Phải thu khách hàng	-	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	17.894.767	-	-	17.894.767
Các khoản phải thu khác	8.407.154.279	-	-	8.407.154.279
Đầu tư dài hạn	-	22.785.747.201	-	22.785.747.201
Ký quỹ dài hạn	-	92.000.000	-	92.000.000
Cộng	461.623.879.065	22.877.747.201	-	484.501.626.266
Chênh lệch thanh khoản thuần	51.985.901.306	22.877.747.201	-	74.863.648.507
Số đầu năm				
Chi phí phải trả	97.698.714	-	-	97.698.714
Các khoản phải trả khác	82.731.939.534	-	-	82.731.939.534
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	380.000.000.000	-	-	380.000.000.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.486.460.821	-	-	3.486.460.821
Cộng	466.316.099.069	-	-	466.316.099.069
Tiền và các khoản tương đương tiền	427.994.872.269	-	-	427.994.872.269
Đầu tư ngắn hạn	1.141.060.957	-	-	1.141.060.957
Phải thu khách hàng	-	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	13.549.190	-	-	13.549.190
Các khoản phải thu khác	64.820.340.557	-	-	64.820.340.557
Đầu tư dài hạn	-	46.776.002.811	-	46.776.002.811
Ký quỹ dài hạn	-	160.000.000	-	160.000.000
Cộng	493.969.822.973	46.936.002.811	-	540.905.825.784
Chênh lệch thanh khoản thuần	27.653.723.904	46.936.002.811	-	74.589.726.715

Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng bởi khoản tiền gửi ngân hàng được trình bày ở mục “rủi ro tín dụng”. Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2015


DIỆP TRÍ MINH
Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Kế toán trưởng


NGUYỄN THANH TUYÊN
Người lập biểu